

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG
THỜI GIAN THỰC HIỆN 4 TUẦN: TỪ NGÀY 17/03/2025 – 11/04/2025
LỚP NHÀ TRẺ LỌNG SỌT

STT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Đ/C B S
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a. Phát triển vận động				
1	Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: Hô hấp, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: + Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: + Vặn người sang 2 bên. - Chân: + Co duỗi từng chân.	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: + Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: + Vặn người sang 2 bên. - Chân: + Co duỗi từng chân	
2	- Trẻ có thể giữ được thăng bằng trong vận động đi bước qua gậy kê cao	- Đi bước qua gậy kê cao	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - Hoạt động PTVĐ + Đi bước qua gậy kê cao - TCVĐ: Con bọ dừa * Hoạt động chơi: - Chơi - tập buổi chiều + TCM: Chim và ô tô + TCM: Một đoàn tàu	
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò chui qua cổng	- Bò chui qua cổng	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - Hoạt động PTVĐ + Bò chui qua cổng - TC: Dung dăng dung dẻ	
5	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném:	- Ném xa bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: + Ném xa bằng 1 tay (tối	

	Ném xa bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)		thiếu 1,5m) TCVD: Ô tô và chim sẻ- + Nhún bật tại chỗ TCVD: Dung dăng dung dẽ * Hoạt động chơi: Chơi - tập buổi chiều TCM: Chuồn chuồn bay	
	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động: Nhún bật tại chỗ	- Nhún bật tại chỗ		
7	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn bánh xe, khuấy, đảo, vò xé.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, khuấy, đảo, vò xé.	* Hoạt động chơi : Chơi - tập buổi chiều - Vò giấy, xé giấy Chơi tập ở các khu vực chơi: + Góc HDVĐV: nhào đất nặn bánh xe + Góc thao tác vai: Nấu ăn cho em búp bê (khuấy, đảo thức ăn)	

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

11	- Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn: lấy nước uống, đi vệ sinh	- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh + Trẻ tập lấy nước uống. + Tập nói với người lớn, cô giáo khi có nhu cầu đi vệ sinh	
----	---	---	---	--

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

15	- Trẻ biết sờ, nắn, nhìn, nghe để nhận biết đặc điểm nổi bật của một số phương tiện giao thông: Xe đạp, xe máy...	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: + HĐNB: Nhận biết xe đạp, xe máy (TCTV: Xe máy, xe đạp) + HĐNB: Nhận biết ô tô con, xe tải (TCTV: Ô tô con, xe tải) + HĐNB : Nhận biết thuyền buồm, tàu thủy (TCTV: Thuyền buồm, tàu thủy) + HĐNB: Nhận biết máy	
19	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số phương tiện giao thông.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi		

			bay, khinh khí cầu (TCTV: Máy bay, khinh khí cầu)	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
22	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động;	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	* Hoạt động chơi: Chơi ở các khu vực chơi, chơi tập - buổi chiều + Cho trẻ xem hình ảnh một số phương tiện giao thông: Xe đạp, xe máy, ô tô con, xe tải... và cho trẻ lên chỉ các phương tiện giao thông khi cô hỏi. + Cô yêu cầu trẻ cất ô tô vào rổ và về chỗ ngồi	
23	Trẻ biết trả lời các câu hỏi: “Đây là xe gì?”, “Cái gì đây?”, “Còi xe máy kêu như thế nào?”, “Tàu hỏa kêu như thế nào?”.	- Nghe các câu hỏi: “Đây là xe gì?”, “Cái gì đây?”, “Còi xe máy kêu như thế nào?” “Tàu hỏa kêu như thế nào?”.	* Hoạt động chơi: Dạo chơi ngoài trời Quan sát xe đạp, xe máy trải nghiệm sự kỳ diệu của quả bóng..... Chơi các trò chơi: Bắt chước tiếng kêu của các PTGT, máy bay, ô tô và chim sẻ.....	
24	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện: Vì sao thỏ cụt đuôi.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có sự gợi ý	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: + Văn học: Truyện vì sao thỏ cụt đuôi	
25	- Trẻ có thể phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau.	* Hoạt động chơi: Chơi tập - buổi chiều: Trẻ xem hình ảnh và nói tên một số phương tiện giao thông quen thuộc như: Xe đạp, xe máy, tàu thủy, thuyền buồm....	
26	- Trẻ có thể đọc được	- Đọc các đoạn thơ,	- Hoạt động chơi - tập có	

	bài thơ: Đèn xanh đèn đỏ; con tàu; đồng dao: Dung dăng dung dẻ với sự giúp đỡ của cô giáo.	bài thơ ngắn có 3-4 tiếng	chủ định: + Văn học: Thơ: Đèn xanh đèn đỏ (TCTV: Đèn xanh, đèn đỏ) + Văn học: Thơ: Con tàu (TCTV: Xinh xịch) + Văn học: Thơ: Đi chơi phố (TCTV: nhanh nhanh) * HĐ chơi – tập buổi chiều: Đọc đồng dao: Dung dăng dung dẻ	
27	Trẻ nói được câu đơn chỉ đặc điểm của phương tiện giao thông quen thuộc.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	* Hoạt động chơi: Chơi tập - buổi chiều: Xem tranh ảnh gọi tên một số phương tiện giao thông quen thuộc.	
28	Trẻ có thể sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Xe gì đây?”; “Cái gì đây?”	- Sử dụng các từ chỉ phương tiện giao thông, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	* Hoạt động chơi: Chơi - tập ở các khu vực chơi + KV vận động: Chơi ô tô + KV HĐĐV: Nhào đất nặn bánh xe, xếp đoàn tàu	
29	-Trẻ có thể nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	* Hoạt động chơi: chơi trong các giờ đón trả trẻ: Trò chuyện với trẻ về cách chào hỏi như trẻ chào cô, chào bố mẹ, nói nhẹ nhàng đủ nghe và biết lễ phép..	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ				
33	-Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	* Hoạt động chơi: chơi - tập ở các khu vực chơi: + KV thao tác vai: bế em, nấu ăn + KV vận động: Chơi ô tô + KV hoạt động với đồ	

			vật: Xếp đoàn tàu	
37	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, ‘vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	* Hoạt động chơi: Chơi giờ đón trả trẻ + Trò chuyện với trẻ về một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, ‘vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	
38	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	* Hoạt động chơi –tập ở các khu vực chơi: + KV thao tác vai: bế em, nấu ăn, nghe điện thoại + KV vận động: Chơi xe ô tô + KV hoạt động với đồ vật: Nặn bánh xe, xếp đoàn tàu	
39	-Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.		
41	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo bài hát: Lái ô tô, đèn xanh đèn đỏ	– Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: + VĐTN: Lái ô tô NNNH: Đi đường em nhớ + VĐTN: Em tập lái ô tô NNNH: đi đường em nhớ + Dạy hát: Đèn xanh đèn đỏ TCÂN: Hãy lắng nghe + NHNN: Đoàn tàu nhỏ xíu TCÂN: Thi ai nhanh	
42	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguyệt lịch	- di màu, nặn, xếp hình	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: + HDVĐV: + Tô màu ô tô	

	ngoạc) Tô màu ô tô, nặn bánh xe, xếp con tàu...		+ Nặn bánh xe + Tô màu máy bay + Xếp tàu hỏa * Hoạt động chơi: + Chơi – tập ở các khu vực chơi: KV HĐVĐV: Xếp tàu hỏa, nặn bánh xe, tô màu PTGT	
--	---	--	--	--

Người lập

P. Hiệu trưởng

Cà Thị Xoan

Trần Thị Làn

